TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YD** **TỈNH BG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2023/HS-ST
Ngày 13-12-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà NTTH

Các Hội thẩm nhân dân: Bà DTTH và bà NTN (đều là Giáo viên nghỉ hưu).

Thư ký phiên tòa: Ông NHD -Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

***Đại diện Viện kiểm sát huyện YD tham gia phiên tòa*:** Ông VHS - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YD, tỉnh BG mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2023/HS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HS ngày 06/11/2023; Thông báo thay đổi lịch phiên toà số 563/TB-HS ngày 29/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **CXV**, sinh ngày 24/3/2007; nơi cư trú: TT, xã DV, huyện YD, tỉnh BG; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông CVK, sinh năm 1984 và bà TTT, sinh năm 1986; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

2. Họ và tên: **NVT**, sinh ngày 26/5/2007; nơi cư trú: TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông NVS, sinh năm 1968 và bà TTN, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

- ***Người đại diện hợp pháp của bị cáo V:*** Ông CVK, sinh năm 1984 và bà TTT, sinh năm 1986 (là bố mẹ đẻ của bị cáo V) do ông CVK đại diện tham gia tố tụng; cùng địa chỉ: TT, xã DV, huyện YD, tỉnh BG; *(Ông Khiêm có mặt)*

- ***Người bào chữa của bị cáo V:*** Bà OTT- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BG *(Có mặt)*

- ***Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:*** Ông NVS, sinh năm 1984 và bà TTN, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG. *(Vắng mặt)*

- Người giám hộ của bị cáo T: Bà NTC, sinh năm 1976; cư trú: TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG. *(Có mặt)*

- Người bào chữa của bị cáo T: Bà NTT - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BG. *(Có mặt)*

- Bị hại: Ông PVT, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Cát, xã DG, huyện YD, tỉnh BG. *(Vắng mặt)*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh PTS, sinh ngày 24/8/2007, địa chỉ: TT, xã DV, huyện YD, tỉnh BG. *(Có mặt)*

Người đại diện hợp pháp của anh S: Ông PVT, sinh năm 1983, địa chỉ: TT, xã DV, huyện YD, tỉnh BG (là bố đẻ). *(Có mặt)*

+ Ông CVK, sinh năm 1984, địa chỉ: TT, xã DV, huyện YD, tỉnh BG. *(Có mặt)*

+ Bà NTC, sinh năm 1976; địa chỉ: TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG. *(Có mặt)*

- Người tham gia tố tụng khác: Trường Trung học phổ thông QT, xã Cảnh Thuỵ, huyện YD, tỉnh BG do ông HTD - Bí thư đoàn trường đại diện theo uỷ quyền theo giấy uỷ quyền ngày 12/12/2023. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: CXV và PTS đều ở TT, xã DV, huyện YD, tỉnh BG và NVT ở TB, xã DV, huyện YD, tỉnh BG có mối quan hệ quen biết, chơi với nhau từ nhiều năm nay. Chiều ngày 04/6/2023, V, T và S cùng nhau đến quán điện tử ở thôn HG, xã DG, huyện YD để chơi. Do không còn tiền chơi điện tử, nên V rủ T và S đi tìm xem ai có T sản sơ hở thì trộm cắp đem bán lấy tiền chơi điện tử thì T và S đồng ý. Sau đó V, T, S rời khỏi quán. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, V, T, S cùng nhau đi bộ đến khu vực cánh đồng Đất Cát, thuộc địa phận thôn Cát, xã DG, huyện YD. Quan sát thấy trên đường bê tông ở cánh đồng có 01 chiếc xe mô tô dựng, xung quanh thấy không có người trông coi, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Đây là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-182.05 của ông PVT, sinh năm 1972, ở thôn Cát, xã DG, huyện YD, tỉnh BG đang dựng ở bờ đường bê tông để đi làm đồng. V, S, T đi đến chỗ dựng chiếc xe mô tô thì S ở lại còn T và V lên phía trước một đoạn để quan sát, thấy không có người trông coi nên cả ba thống nhất trộm cắp chiếc xe mô tô trên của ông Thuý. V và T ra hiệu để S trộm cắp chiếc xe. S ngồi lên xe nổ máy điều khiển đi đến chỗ V, T đợi phía trước rồi V điều khiển chở S và T ngồi sau đi về phía thành phố BG tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến khu vực cầu BD, thuộc địa phận tổ dân phố 6, TTNB, huyện YD thì cả ba dừng lại tháo 02 chiếc gương chiếu hậu vứt xuống sông Thương và cùng đem chiếc xe trộm cắp được đến thành phố BG để tìm nơi tiêu thụ nhưng không được. Sau đó, V điều khiển xe mô tô chở T, S đi đến nhà TVH, sinh ngày 01/6/2007, ở TB, xã DH, huyện LN, tỉnh BG (là bạn của V) chơi. Đến khoảng 23 giờ 30 phút

cùng ngày thì T, V, S đi về. Khi về đến Quốc lộ 37, đoạn thuộc địa phận TB, xã DH, huyện LN thì T bảo V tháo chiếc biển kiểm soát 98B1-182.05 của xe mô tô vứt đi để tránh Camera trên đường phát hiện, rồi cả ba chở nhau đi về TTNB, huyện YD, tỉnh BG. Khi về đến khu vực chợ Neo, thuộc địa phận tổ dân phố 3, TTNB, huyện YD, tỉnh BG thì bị Tổ tuần tra kiểm soát của Công an huyện YD, tỉnh BG kiểm tra phát hiện, lập biên bản thu giữ tang vật.

Đối với ông PVT, sau khi phát hiện chiếc xe mô tô bị trộm cắp, ông Tđã làm đơn trình báo.

Tại bản kết luận định giá T sản số 39 ngày 14/6/2023 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện YD kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô T, V, S trộm cắp của ông Thuỷ là 5.250.000 đồng.

Đối với chiếc biển kiểm soát và 02 chiếc gương của xe, V T, S đều khai vứt xuống sông Thương 02 chiếc gương, vứt chiếc biển kiểm soát ở bờ đường xã DH, huyện LN. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Trong vụ án này, đối với PTS khi thực hiện hành vi phạm tội, S chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Công an huyện YD đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với PTS

Tại cơ quan điều tra, CXV, NVT và PTS đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 28/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố CXV và NVT về tội "Trộm cắp T sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo CXV và NVT đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Đại diện hợp pháp của bị cáo V ông CVK trình bày: Ông nhất trí với lời khai của bị cáo. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, gia đình sẽ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích. Ông không có ý kiến bổ sung gì khác.

Người giám hộ của bị cáo T bà NTC trình bày: Bà nhất trí với lời khai của bị cáo. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, gia đình sẽ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích. Bà không có ý kiến bổ sung gì khác.

Bí thư Đoàn trường THPT Quang Trung trình bày: Các bị cáo phạm tội trong thời gian nghỉ hè, không nằm trong sự quản lý của nhà trường, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; khoản 1, 2, 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo CXV từ 08 tháng tù đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo V cho Uỷ ban nhân dân xã DV, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo NVT từ 06 tháng tù đến 07 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Uỷ ban nhân dân xã DV, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về vật chứng: vụ án không có vật chứng cần xử lý

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người liên quan không yêu cầu các bị cáo về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo CXV - Luật sư OTTtranh luận: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng cũng như việc đề nghị cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên, về mức hình phạt cụ thể mà mà Kiểm sát viên đề xuất đối với bị cáo V là rất nghiêm khắc. Ngoài ra, bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường số tiền để sửa gương và làm lại biển kiểm soát cho bị hại và bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mặc dù tiền là của bố bị cáo bồi thường nhưng do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên việc bố mẹ bị cáo đứng ra bồi thường cho bị cáo thì bị cáo vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để cân nhắc áp dụng cho bị cáo mức hình phạt 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo NVT - Luật sư NTTT luận: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhất trí với quan điểm của Luật sư Thanh về việc áp dụng cho bị cáo T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để. Về phần hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với việc người bào chữa của các bị cáo đề nghị áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có cơ sở vì thực tế số tiền bồi thường của bị hại là của gia đình các bị cáo bồi thường còn các bị cáo không có ý thức tác động gì để gia đình bồi thường cho bị hại. Đối với việc người bào chữa của bị cáo T đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, Kiểm sát viên thấy là không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như tính răn đe của hình

phạt; khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nhưng gia đình, bố mẹ bị cáo buông lỏng quản lý, chưa thực sự quan tâm sát sao đến con cái nên Kiểm sát viên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo để giao bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giáo dục, cải tạo đồng thời có thời gian thử thách đối với các bị cáo thì mới giúp răn đe, giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật. Do vậy, mức hình phạt Kiểm sát viên đã đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với giá trị T sản các bị cáo trộm cắp, cũng như vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và đảm bảo quy định đối với người phạm tuội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Do vậy, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị đối với các bị cáo, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Người bào chữa cho các bị cáo giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không tranh luận gì thêm. Các bị cáo, ông K, bà C đều nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm. Không ai có ý kiến gì khác.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các T liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, đầy đủ, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 04/6/2023, CXV, NVT cùng PTS đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-182.05, trị giá 5.250.000 đồng của ông PVT, sinh năm 1973, ở thôn Cát, xã DG, huyện YD, tỉnh BG tại đường bê tông ở cánh đồng Đất Cát, thuộc thôn Cát, xã DG, huyện YD, tỉnh BG đem đi tiêu thụ, nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị Cơ quan điều tra thu hồi T sản trả lại bị hại. Hành vi của các bị cáo CXV, NVT đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp T sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện YD truy tố các bị cáo về tội danh,

điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với PTS khi thực hiện hành vi phạm tội, S chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện YD đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với PTS

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu T sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo sự nghiêm minh, tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung của pháp luật.

[4.2] Trong vụ án có hai bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất phương thức, phân công nhiệm vụ cụ thể với nhau từ trước nên vụ án chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Bị cáo CXV đóng vai trò chính trong vụ án do là người khởi xướng việc trộm cắp T sản. Còn bị cáo T là người cảnh giới nên phải chịu trách nhiệm là đồng phạm giúp sức tích cực cùng với bị cáo V.

[4.3] Xét về nhân thân các bị cáo thấy: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Việc người bào chữa của các bị cáo đề nghị cho các bị cáo được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.6] Các bị cáo phạm tội trong độ tuổi vị thành niên nên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định tại các Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo vẫn đang trong độ tuổi vị thành niên; phạm tội lần đầu do bột phát; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Việc không bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Để đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải

tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo. Việc xử phạt các bị cáo với mức hình phạt trong khung đề nghị như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với chiếc biển kiểm soát và 02 chiếc gương của xe, V T, S đều khai vứt xuống sông Thương 02 chiếc gương, vứt chiếc biển kiểm soát ở bờ đường xã DH, huyện LN. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

[7] Trong vụ án này, đối với PTS khi thực hiện hành vi phạm tội, S chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội ít nghiêm trọng nên Công an huyện YD đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với PTS là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô kiểm soát 98B1-182.05 đã qua sử dụng: Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên là T sản hợp pháp của ông Thuý, cơ quan điều tra đã ra QĐ xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông Tlà phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 04/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe mô tô cho ông Thuý, ông Tđã nhận lại xe và yêu cầu bồi thường 300.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị cáo V (anh CVK là bố đẻ), người giám hộ của bị cáo T (chị NTC là cô ruột) và đại diện hợp pháp của anh PTS (anh PVT là bố đẻ) đã bồi thường cho bị hại ông PVT số tiền 300.000 đồng. Ông Thúy đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, Điều 333, khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91, Điều 98; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo CXV **08** *(Tám)* tháng tù cho hưởng án treo về tội *"Trộm cắp T sản".* Thời gian thử thách **01** *(Một)* năm **04** *(Bốn)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/12/2023). Giao bị V cho Uỷ ban nhân dân xã DV, huyện YD, tỉnh BG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo CXV có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo V.

1.2. Xử phạt bị cáo NVT **06** *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo về tội *"Trộm cắp T sản".* Thời gian thử thách **01** *(Một)* năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/12/2023). Giao bị T cho Uỷ ban nhân dân xã DV, huyện YD, tỉnh BG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo NVT có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T.

1.3. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

1.4. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.5. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

2. Án phí: Các bị cáo CXV và NVT mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người giám hộ, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Các bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Công an tỉnh BG;
- UBND xã, phường nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

NTTH